

## PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ I gồm các bài và chủ đề sau:

- Bài 1: Các hoạt động kinh tế cơ bản trong đời sống xã hội  
Bài 2: Các chủ thể của nền kinh tế  
Bài 3: Thị trường  
Bài 4: Cơ chế thị trường  
Bài 5: Ngân sách nhà nước  
Bài 6: Thuế  
Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh  
Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống  
Bài 9: Dịch vụ tín dụng

## I. LÝ THUYẾT

### BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

#### 1. Hoạt động sản xuất

- *Hoạt động sản xuất* là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống con người.

- *Hoạt động sản xuất đóng vai trò* là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

#### 2. Hoạt động phân phối-trao đổi

- *Phân phối* là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng).

- *Trao đổi* là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).

- *Phân phối - trao đổi* đóng vai trò trung gian, là cầu nối sản xuất với tiêu dùng. Phân phối thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp, đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp. Trao đổi giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng.

#### 3. Hoạt động tiêu dùng

- *Tiêu dùng* là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

- *Tiêu dùng* được coi là mục đích của sản xuất, ví như đơn đặt hàng của xã hội đối với sản xuất; Tiêu dùng còn giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản xuất. Vì vậy, tiêu dùng tác động mạnh mẽ đối với sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất sẽ suy giảm khi sản phẩm khó tiêu thụ.

Trong đời sống xã hội, các hoạt động: sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng có quan hệ *chặt chẽ* với nhau. Trong mối quan hệ đó, sản xuất là gốc, có vai trò quyết định; tiêu dùng là mục đích, là động lực của sản xuất, còn phân phối và trao đổi là cầu nối sản xuất với tiêu dùng, có tác động đến cả sản xuất và tiêu dùng.

### BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

#### 1. Chủ thể sản xuất

- *Chủ thể sản xuất* là những người sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- *Chủ thể sản xuất* có vai trò sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận. Họ không chỉ thỏa mãn nhu cầu hiện tại của xã hội mà còn tạo ra và phục vụ cho những nhu cầu trong tương lai với mục tiêu lợi nhuận tối đa trong điều kiện nguồn lực có hạn. Vì vậy, chủ thể sản xuất luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn sản xuất hàng hóa nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả. Chủ thể sản xuất còn phải có trách nhiệm cung cấp những hàng hóa, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khỏe và lợi ích của con người trong xã hội.

#### 2. Chủ thể tiêu dùng

- *Chủ thể tiêu dùng* là người mua hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,...

- *Chủ thể tiêu dùng* có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

#### 3. Chủ thể trung gian

- *Chủ thể trung gian* là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên thị trường (như: các thương nhân chuyên phân phối hàng hóa, nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,...).

Họ có vai trò ngày càng quan trọng, là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua - bán, sản xuất - tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.

#### 4. Chủ thể Nhà nước

- Chủ thể Nhà nước là chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nhà nước có vai trò quan trọng quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế:

+ Tạo môi trường pháp lý thuận lợi và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho sự phát triển kinh tế.

+ Tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế như xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, ban hành các chính sách, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nền kinh tế phát triển theo mục tiêu; xây dựng kết cấu hạ tầng sản

xuất, kết cấu hạ tầng xã hội, phát triển và kinh doanh những dịch vụ công cộng như bảo đảm an ninh, quốc phòng, tài chính, tín dụng, năng lượng, giao thông, viễn thông,...;khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như khủng hoảng, thất nghiệp, lạm phát,...  
+ Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

**BÀI 3: THỊ TRƯỜNG**

**1. Khái niệm thị trường**

*Thị trường* là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất.

Ở cấp độ cụ thể, thị trường có thể quan sát được như chợ, cửa hàng, phòng giao dịch và nhiều hình thức tổ chức giao dịch, mua bán khác. Ở cấp độ trừu tượng hơn, thị trường được nhận diện qua các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán như cung - cầu, quan hệ hàng - tiền, quan hệ cạnh tranh, quan hệ trong - ngoài nước. Đây cũng là các yếu tố của thị trường.

**2. Các loại thị trường**

- Theo đối tượng giao dịch, mua bán, có thị trường các loại hàng hóa và dịch vụ như: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản,...
- Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch, có thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ,...
- Theo phạm vi của quan hệ mua bán, giao dịch, có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,...

**3. Chức năng của thị trường**

Thị trường có 3 chức năng chủ yếu:

- *Chức năng thừa nhận:* Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào.
- *Chức năng thông tin:* Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hóa,...
- *Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế:* Trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

**BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

**1. Khái niệm**

- *Cơ chế thị trường* là hệ thống các quan hệ kinh tế mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như: quy luật cạnh tranh, cung cầu, giá cả, lợi nhuận,...chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế, đóng vai trò như bàn tay vô hình điều tiết nền kinh tế.
- *Giá cả hàng hóa* là số tiền phải trả cho một hàng hóa để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.
- *Giá cả thị trường* là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

**2. Ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường**

a) *Cơ chế thị trường có một số ưu điểm cơ bản:*

- Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.
- Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.
- Thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

b) *Cơ chế thị trường tồn tại một số nhược điểm vốn có sau:*

- Tiềm ẩn rủi ro, khủng hoảng, suy thoái.
- Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và người tiêu dùng.
- Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô nền kinh tế để khắc phục hạn chế nhược điểm của cơ chế thị trường.

**3. Chức năng của giá cả thị trường:**

- *Cung cấp thông tin:* để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.
- *Phân bổ nguồn lực:* góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.
- *Là công cụ* để Nhà nước thực hiện quản lý, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

**BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**1. Khái niệm**

*Ngân sách nhà nước* là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước (khoản 14 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015)

**2. Đặc điểm của ngân sách nhà nước**

- Ngân sách nhà nước mang *tính pháp lý cao*. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.
- Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.
- Ngân sách nhà nước hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
- Ngân sách nhà nước được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chi dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.
- Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

**3. Vai trò của ngân sách nhà nước**

- Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng, lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý.
- Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.

- Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh,...và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.
- Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

**4. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước**

Công dân có quyền:

- Được sử dụng hàng hóa, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
- Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.

Công dân có nghĩa vụ:

- Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.
- Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

**BÀI 6: THUẾ**

**1. Khái niệm**

Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế (khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019)

**2. Vai trò**

Thuế có vai trò:

- Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.
- Thuế là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, Nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.
- Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

**3. Một số loại thuế phổ biến**

- Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Thuế thu nhập cá nhân
- + ...

- Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa, dịch vụ. Thuế gián thu có:

- + Thuế giá trị gia tăng
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Thuế xuất khẩu, nhập khẩu
- + Thuế bảo vệ môi trường
- + ...

**4. Quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật thuế**

- Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn.
- Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hóa, dịch vụ công cộng do Nhà nước cung cấp.
- Những thông tin về thuế có trong Luật Quản lý thuế năm 2019 và các luật, nghị định, thông tư về thuế có liên quan.

**BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

**1. Vai trò của sản xuất kinh doanh**

- Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/ dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.
- Sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội: tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

**2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh**

**a) Mô hình Hộ sản xuất kinh doanh**

- Hộ sản xuất kinh doanh là mô hình sản xuất kinh doanh do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.
- Hộ kinh doanh chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.
- Mô hình này có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn.

**b) Mô hình Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã sản xuất kinh doanh**

**+/ Mô hình hợp tác xã:**

- Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.
- Đặc điểm của hợp tác xã:
  - + Có hình thức sở hữu tập thể;
  - + Các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh;
  - + Có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.

**+/ Mô hình liên hiệp hợp tác xã:**

- Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu chung của hợp tác xã thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.
- Đặc điểm của Liên hiệp hợp tác xã: cổ hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu: có tư cách pháp nhân: các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**c) Mô hình doanh nghiệp**

- **Khái niệm:** Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, trụ sở giao dịch ổn định, được đăng kí kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

**\* Đặc điểm của doanh nghiệp:**

- Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ....
- Có tính hợp pháp: đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.
- Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

**\* Một số mô hình doanh nghiệp:**

**+/- Doanh nghiệp tư nhân:**

- Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Đặc điểm:

- + Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân.
- + Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.

**+/- Công ty hợp danh:**

- Công ty hợp danh:

+ Là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (gọi là thành viên hợp danh).

+ Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn.

+ Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty.

+ Thành viên góp vốn là tổ chức, cá nhân và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

- Đặc điểm:

- + Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lí công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.
- + Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lí công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.
- + Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lí công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

**+/- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu: chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- Đặc điểm:

- + Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Nếu tăng vốn điều lệ bằng đóng góp của người khác thì phải chuyển đổi sang loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần.
- + Ít rủi ro hơn công ty tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

**+/- Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

- Đặc điểm:

- + Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.
- + Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty khi đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.
- + Ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lí, điều hành công ty không quá phức tạp.

**+/- Công ty cổ phần**

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

Người đóng cổ phần gọi là các cổ đông. Cơ quan tối cao của công ty cổ phần là Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị sau đó Hội đồng quản trị sẽ thuê, bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc Giám đốc điều hành. Công ty có quyền phát hành chứng khoán để huy động vốn, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.

- Đặc điểm:

- + Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân, chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần, số lượng cổ đông tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.
- + Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.
- + Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

**+/ Doanh nghiệp nhà nước**

- Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lý hoặc tham gia quản lý với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.
- Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại:
- + Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- + Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

**BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng**

- **Tín dụng** là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc và lãi.
- **Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:**
- + *Dựa trên sự tin tưởng:* người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn.
- + *Có tính tạm thời:* việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định.
- + *Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi:* đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.

**2. Vai trò của tín dụng**

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.
- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước.
- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

**BÀI 9. DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

**1. Tín dụng ngân hàng**

**a) Đặc điểm của tín dụng ngân hàng**

- Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.
- Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

**b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng**

**\* Cho vay tín chấp**

- Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.
- Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.
- Khi vay tín chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn.

**\* Cho vay thế chấp**

- Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay.
- Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.
- Khi vay thế chấp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ hợp pháp về tài sản thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn. Trường hợp không thể trả nợ cho ngân hàng, phải chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thế chấp để ngân hàng thanh lí.

**\* Cho vay trả góp**

- Cho vay trả góp của ngân hàng là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.
- Đặc điểm của cho vay trả góp là: hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.
- So với việc thanh toán hết một lần, mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.
- Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

**2. Tín dụng thương mại**

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

**3. Tín dụng tiêu dùng**

**a) Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng**

- Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá).

- Đặc điểm:

- + Mục đích vay để tiêu dùng: nguồn trả nợ là thu nhập của người vay;
- + Người vay là cá nhân, hộ gia đình;
- + Người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính....;
- + Lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

**b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng**

**\* Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.**

- Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

- Đặc điểm của cho vay trả góp là:

- + Hàng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc;
- + Hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp,
- + Thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.
- So với việc thanh toán hết một lần, việc mua trả góp khiến người mua phải mất thêm một khoản chi phí cho tiền lãi phải trả hàng tháng. Trường hợp dùng số tiền trả góp gửi ngân hàng thì lãi suất thu được từ tiền gửi thường thấp hơn mức lãi suất phải trả khi mua trả góp nên vẫn có phần chênh lệch.
- Khi vay trả góp, người vay có trách nhiệm cung cấp trung thực, chính xác các thông tin cá nhân, giấy tờ cần thiết theo yêu cầu của tổ chức tín dụng và phải trả đủ vốn vay và lãi đúng hạn như đã thoả thuận.

**4. Tín dụng nhà nước**

**a) Đặc điểm tín dụng nhà nước**

- Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa nhà nước với những tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của nhà nước để xây dựng Tổ quốc và nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

- Đặc điểm:

- + Tín dụng nhà nước cho vay với lãi suất ưu đãi: theo kế hoạch, chủ trương của nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của nhà nước;
- + Lãi suất vay của nhà nước hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

**b) Một số mô hình tín dụng nhà nước**

**\* Phát hành trái phiếu chính phủ**

- Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.
- Thời hạn trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn, thường là 5 năm.
- Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

**\* Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội**

- Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho các hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.
- Ngân hàng chính sách xã hội có hai phương thức cho vay, cho vay trực tiếp và cho vay uỷ thác trong đó uỷ thác là chủ yếu. Ngân hàng thực hiện uỷ thác một số công đoạn trong quy trình cho vay cho các Hội, Đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Đối tượng cho vay phải là đối tượng được quy định trong các chương trình ưu đãi của Nhà nước giao cho ngân hàng này thực hiện. Ngân hàng có mạng lưới rộng khắp ở các địa phương để cung cấp dịch vụ tín dụng nhanh chóng, kịp thời, tiện lợi cho người dân.

**II. BÀI TẬP VẬN DỤNG THAM KHẢO**

**A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN (Chọn 1 đáp án đúng nhất)**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

- A.** sản xuất                      **B.** phân phối.                      **C.** tiêu dùng                      **D.** trao đổi.

**Câu 2:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

- A.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng                      **B.** Hoạt động phân phối - trao đổi  
**C.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển                      **D.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A.** Tiết kiệm năng lượng.                      **B.** Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.  
**C.** Giúp nền kinh tế linh hoạt hơn.                      **D.** Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

**Câu 4:** Chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàng hoá cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng?

- A.** Chủ thể trung gian                      **B.** Doanh nghiệp Nhà nước  
**C.** Các điểm bán hàng                      **D.** Chủ thể sản xuất



**Câu 5:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước?

- A.** Gia tăng tỷ lệ thất nghiệp.
- B.** Tạo môi trường pháp lý thuận lợi.
- C.** Đảm bảo xã hội ổn định.
- D.** Đảm bảo ổn định chính trị.

**Câu 6:** Trong nền kinh tế, chủ thể trung gian đóng vai trò như thế nào trong mối quan hệ với chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

- A.** độc lập.
- B.** cầu nối
- C.** cuối cùng.
- D.** sản xuất.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nào đóng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân?

- A.** chủ thể trung gian.
- B.** chủ thể nhà nước.
- C.** chủ thể tiêu dùng.
- D.** chủ thể sản xuất.

**Câu 8:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

- A.** Hộ kinh doanh.
- B.** Người kinh doanh.
- C.** Người sản xuất.
- D.** Người tiêu dùng.

**Câu 9:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A.** làm trung gian trao đổi.
- B.** đo lường giá trị hàng hóa.
- C.** thừa nhận giá trị hàng hóa.
- D.** biểu hiện bằng giá cả.

**Câu 10:** Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

- A.** Thị trường gạo, cà phê, thép.
- B.** Thị trường tiêu dùng, lao động.
- C.** Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.
- D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

**Câu 11:** Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

- A.** giá cả cá biệt.
- B.** giá cả thị trường.
- C.** giá trị thặng dư.
- D.** giá trị sử dụng.

**Câu 12:** Căn cứ vào giá cả thị trường, các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định trong việc điều tiết hoạt động sản xuất của mình là phản ánh chức năng nào dưới đây của giá cả thị trường?

- A.** Thông tin.
- B.** Điều hành.
- C.** Điều tiết.
- D.** Thay đổi.

**Câu 13:** Toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước đượ gọi là

- A.** tài chính nhà nước.
- B.** kho bạc nhà nước.
- C.** tiền tệ nhà nước.
- D.** ngân sách nhà nước.

**Câu 14:** Một trong những đặc điểm của ngân sách nhà nước là ngân sách nhà nước

- A.** phân chia cho mọi người.
- B.** ai cũng có quyền lấy.
- C.** có rất nhiều tiền bạc.
- D.** có tính pháp lý cao.

**Câu 15:** Theo quy định của Luật ngân sách, hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc

- A.** không hoàn trả trực tiếp.
- B.** thu nhưng không chi.
- C.** chi nhưng không thu.
- D.** hoàn trả trực tiếp.

**Câu 16:** Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A.** Thuế giá trị gia tăng.
- B.** Thuế thu nhập cá nhân.
- C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- D.** Thuế nhập khẩu.

**Câu 17:** Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A.** Bắt buộc.
- B.** Tự nguyện.
- C.** Không bắt buộc.
- D.** Cưỡng chế.

**Câu 18:** Loại thuế nào dưới đây là hình thức thuế trực thu?

- A.** Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- B.** Thuế giá trị gia tăng.
- C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- D.** Thuế bảo vệ môi trường.

**Câu 19:** Loại thuế nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hoá được gọi là gì?

- A.** Thuế giá trị gia tăng.
- B.** Thuế thu nhập cá nhân.
- C.** Thuế nhập khẩu.
- D.** Thuế tiêu thụ đặc biệt.

**Câu 20:** Một trong những vai trò của thuế biểu hiện ở việc, nhà nước sử dụng thuế là một trong những công cụ để

- A.** điều tiết sản xuất.
- B.** triệt tiêu sản xuất.
- C.** thu hồi vốn đầu tư.
- D.** phân bổ vốn đầu tư.

**Câu 21:** Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp là nội dung của khái niệm doanh nghiệp nào dưới đây?

- A.** Doanh nghiệp tư nhân.
- B.** Công ty hợp danh.
- C.** Liên minh hợp tác xã.
- D.** Công ty cổ phần

**Câu 22:** Anh A ở vùng trung du Bắc Bộ, nhà anh trồng chè. Mỗi năm thu hoạch 2 tấn chè các loại, anh bán 90% ra thị trường còn 10% để lại chế biến dùng cho gia đình. Anh A đã vận dụng mô hình sản xuất kinh doanh nào dưới đây

- A.** Kinh tế tập thể.
- B.** Doanh nghiệp.
- C.** Hộ gia đình.
- D.** Công ty cổ phần

**Câu 23:** Một trong những đặc điểm của doanh nghiệp là có tính

- A.** tổ chức.
- B.** phi lợi nhuận.
- C.** tính nhân đạo.
- D.** tự phát.

**Câu 24:** Một trong những ưu điểm của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

- A.** có nguồn vốn lớn.
- B.** dễ tạo việc làm.
- C.** dễ trốn thuế.
- D.** sử dụng nhiều lao động.



**Câu 25:** Mô hình kinh tế nào dưới đây dựa trên hình thức đồng sở hữu, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh?

- A. Công ty hợp danh

B. Hộ kinh doanh.
- C. Hộ gia đình.

D. Hợp tác xã.

**Câu 26:** Một trong những vai trò quan trọng của sản xuất kinh doanh là góp phần

- A. giải quyết việc làm.

B. tàn phá môi trường.
- C. duy trì thất nghiệp.

D. thúc đẩy khủng hoảng.

**Câu 27:** Một trong những hạn chế của mô hình sản xuất hộ kinh doanh là

- A. khó đầu tư trang thiết bị.

B. dễ quản lý sản xuất.
- C. sử dụng nhiều lao động.

D. tạo ra nhiều việc làm.

**Câu 28:** Số lao động mà hộ sản xuất kinh doanh được phép đăng ký là

- A. dưới 10 lao động.

B. dưới 7 lao động.
- C. dưới 5 lao động.

D. dưới 15 lao động.

**Câu 29:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng ?

- A. Dựa trên sự tin tưởng.

B. Tính hoàn trả.
- C. Tính tạm thời.

D. Tính bắt buộc.

**Câu 30:** Hình thức tín dụng trong đó người cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm là hình thức tín dụng nào dưới đây?

- A. Tín dụng đen.

B. Cho vay trả góp.
- C. Cho vay tín chấp.

D. Cho vay thế chấp.

**Câu 31:** Hình thức tín dụng nào dưới đây không có sự tham gia của hệ thống ngân hàng?

- A. Tín dụng thương mại.

B. Tín dụng ngân hàng.
- C. Tín dụng nhà nước.

D. Cho vay thế chấp.

**Câu 32:** Một trong những căn cứ quan trọng để thực hiện hình thức tín dụng cho vay thế chấp được thực hiện là người vay phải có

- A. đầy đủ quan hệ nhân thân.

B. tài sản đảm bảo.
- C. địa vị chính trị.

D. tư cách pháp nhân.

**Câu 33:** Hình thức tín dụng nào trong đó người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu về mua sắm hàng hóa

- A. tư nhân.

B. thương mại.

C. nhà nước.

D. tiêu dùng.

**Câu 34:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của tín dụng ?

- A. Là công cụ điều tiết kinh tế xã hội .

B. Hạn chế bớt tiêu dùng.
- C. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

D. Thúc đẩy sản xuất, lưu thông.

**Câu 35:** Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

- A. Tín dụng nhà nước.

B. Tín dụng ngân hàng.
- C. Tín dụng thương mại.

D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 36:** Hình thức vay tín dụng ngân hàng nào sau đây người vay phải trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc?

- A. Vay thấu chi.

B. Vay tín chấp.
- C. Vay thế chấp.

D. Vay trả góp.

**Câu 37:** Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay), theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

- A. nguyên phần gốc ban đầu.

B. nguyên phần lãi phải trả.
- C. đủ số vốn ban đầu.

D. cả vốn gốc và lãi.

**Câu 38:** Một trong những vai trò của tín dụng là

- A. bần cùng hóa người đi vay nợ.

B. tăng lượng vốn đầu tư sản xuất.
- C. kiềm chế việc làm trái pháp luật.

D. tư bản hóa chủ thể cho vay nợ.

**Câu 39:** Chủ thể cho vay của tín dụng nhà nước đó là

- A. người nước ngoài.

B. doanh nghiệp.

C. người dân.

D. nhà nước.

**Câu 40:** Quan hệ tín dụng bằng tiền giữa một bên là ngân hàng với một bên là các chủ thể kinh tế dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và có hoàn trả được gọi là dịch vụ tín dụng

- A. tiêu dùng.

B. doanh nghiệp.

C. ngân hàng.

D. cá nhân.

**Câu 41:** Loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế gọi là

- A. thuế giá trị gia tăng.

B. thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. thuế gián thu.

D. thuế trực thu.

**Câu 42:** Khoản thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng là thuế

- A. giá trị gia tăng.

B. thu nhập doanh nghiệp.
- C. xuất nhập khẩu.

D. tiêu thụ đặc biệt.

**Câu 43:** Loại thuế nào dưới đây là hình thức thuế gián thu?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.

B. Thuế xuất nhập khẩu.
- C. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

D. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**Câu 44:** Quá trình con người tiến hành hoạt động sản xuất để tạo ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Lạm phát do cầu đẩy.

B. Sản xuất kinh doanh.



C. Khủng hoảng kinh tế.

D. Kích cầu tiêu dùng.

**Câu 45:** Sản xuất kinh doanh có vai trò

A. tạo việc làm, thu nhập cho người lao động.

B. làm ra sản phẩm tinh thần cho con người.

C. làm giảm tỉ lệ sáng tạo của con người.

D. nâng cao dân trí cho con người và xã hội.

**Câu 46:** Mô hình kinh tế được tổ chức theo nguyên tắc tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh được gọi là

A. liên hiệp hợp tác xã.

B. hợp tác xã kiểu mới.

C. Công ty hợp danh.

D. Công ty cổ phần.

**Câu 47:** Để mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã phát triển ổn định, hiệu quả thì các thành viên cần hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và

A. dân chủ trong quản lí.

B. mở rộng thị trường.

C. đề cao người quản lí.

D. kết nạp thành viên.

**Câu 48:** Là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng kí thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh thuộc mô hình kinh tế nào dưới đây?

A. Hộ tiêu dùng.

B. Doanh nghiệp.

C. Hợp tác xã.

D. Hộ kinh doanh.

**Câu 49:** Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi, theo nguyên tắc hoàn trả có kỳ hạn

A. nguyên phần gốc ban đầu.

B. nguyên phần lãi phải trả.

C. đủ số vốn ban đầu.

D. cả vốn gốc và lãi.

**Câu 50:** Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được biểu hiện như thế nào?

A. Có tính hoàn trả cả gốc và lãi.

B. Được sử dụng vốn vay vô thời hạn.

C. Sử dụng vốn vay sai mục đích.

D. Chỉ phải hoàn trả tiền vốn vay.

**Câu 51:** Tín dụng có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội?

A. Là công cụ giảm lạm phát.

B. Là công cụ giảm tỉ lệ ô nhiễm môi trường.

C. Là công cụ giảm tỉ lệ mắc bệnh.

D. Là công cụ điều tiết kinh tế- xã hội của Nhà nước.

**Câu 52:** Tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn của ngân hàng trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng

A. có việc làm và thu nhập ổn định.

B. tạo dựng được cơ sở ổn định.

C. hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

D. tạo việc làm cho người lao động.

**Câu 53:** Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần

A. ngân hàng bảo lãnh.

B. thời gian trả nợ.

C. tài sản đảm bảo.

D. trả lãi suất tiền vay.

**Câu 54:** Vay thế chấp đòi hỏi người vay phải có tài sản đảm bảo, thủ tục vay phức tạp nhưng có thể vay được số tiền tương đối lớn, thời gian cho vay dài, với lãi suất

A. giảm dần.

B. thỏa thuận.

C. phù hợp.

D. tăng dần.

**Câu 55:** Hình thức phát hành trái phiếu chính phủ thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

A. Tín dụng thương mại.

B. Tín dụng nhà nước.

C. Tín dụng ngân hàng.

D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 56:** Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

A. khả năng tài chính của chủ thẻ.

B. khả năng tài chính của ngân hàng.

C. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.

D. thời gian, địa điểm giao dịch.

**Câu 57:** Vì sao đóng thuế là nghĩa vụ của công dân?

A. Tạo ngân sách giúp nhà nước tồn tại và duy trì hoạt động.

B. Vì công dân đang sinh sống trên đất nước nên phải đóng thuế.

C. Vì được nhà nước sử dụng quân đội bảo vệ người dân.

D. Vì nhà nước quản lí đất đai người dân muốn sử dụng thì phải nộp thuế.

**Câu 58:** Các thành viên của công ty hợp doanh **không** được thực hiện hành vi nào dưới đây?

A. Được chia lợi nhuận theo tỉ lệ đóng góp.

B. Nhân danh công ty để kinh doanh riêng.

C. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty.

D. Dùng uy tín cá nhân để xây dựng công ty.

**Câu 59:** Em **không** đồng ý với ý kiến nào dưới đây khi nói về mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

A. Tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau.

B. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

C. Các thành viên có quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau.

D. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm thay các thành viên.

**Câu 60:** Tổ chức do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp được gọi là gì?

A. Doanh nghiệp tư nhân.

B. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- D. Công ty cổ phần. C. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.

**Câu 61:** Đối với doanh nghiệp tư nhân thì chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là

- A. người đóng góp nhiều vốn. B. cá nhân chủ doanh nghiệp.  
C. tất cả thành viên của doanh nghiệp. D. nhiều thành viên tham gia.

**Câu 62:** Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn. B. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.  
C. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay. D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

**Câu 63:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đặc điểm của tín dụng?

- A. Dựa trên sự tin tưởng. B. Tính hoàn trả.  
C. Tính tạm thời. D. Tính bắt buộc.

**Câu 64:** Hoạt động tín dụng nhà nước ở nước ta hiện nay việc huy động vốn được thực hiện bởi Bộ tài chính dưới ba hình thức: phát hành công trái xây dựng Tổ quốc; trái phiếu kho bạc và

- A. cổ phiếu chứng khoán. B. tín phiếu kho bạc.  
C. sổ tiết kiệm cá nhân. D. đóng góp cổ phần.

**Câu 65:** Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay tín chấp được ngân hàng chấp nhận khi nào?

- A. Khách hàng có đủ uy tín với ngân hàng. B. Khi khách hàng không còn tài sản đảm bảo.  
C. Khi nguồn vốn ngân hàng dồi dào. D. Là công cụ giảm tỉ lệ ô nhiễm môi trường.

**Câu 66:** Dịch vụ tín dụng được thực hiện bằng hình thức mua bán chịu giữa các doanh nghiệp thuộc loại tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng ngân hàng. B. Tín dụng nhà nước.  
C. Tín dụng thương mại. D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 67:** Khách hàng sử dụng dịch vụ tín dụng bằng hình thức vay trả góp phải có trách nhiệm nào dưới đây đối với ngân hàng?

- A. Trả lãi và gốc theo thực tế thu nhập. B. Trả tiền lãi trước, trả nợ gốc sau.  
C. Trả lãi theo biến động của thị trường. D. Trả lãi và một phần số nợ gốc.

**Câu 68:** Người vay có lịch sử tín dụng tốt, thu nhập ổn định nhưng không có tài sản đảm bảo thì có thể vay tín dụng ngân hàng bằng hình thức nào sau đây?

- A. Vay trả góp. B. Vay tín chấp. C. Vay thấu chi. D. Vay thế chấp.

**Câu 69:** Đặc điểm nào sau đây của ngân hàng chính sách xã hội khác với các ngân hàng thương mại khác?

- A. Thủ tục đơn giản, lãi suất cao. B. Được thỏa thuận thời hạn trả nợ.  
C. Là hình thức dịch vụ tín dụng. D. Không vì mục đích lợi nhuận.

**Câu 70:** Hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay là hình thức tín dụng nào dưới đây?

- A. Cho vay thế chấp. B. Cho vay tín chấp.  
C. Tín dụng đen. D. Cho vay trả góp.

## B. DẠNG TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

**Hs chọn đúng hoặc sai cho mỗi lệnh hỏi: a), b), c), d)**

**Câu 1.** Nhận thấy nhu cầu du lịch cộng đồng tăng cao, gia đình anh X gồm 5 thành viên đã vay ngân hàng 2 trăm triệu đồng để đầu tư kinh doanh bán hàng lưu niệm. Hoạt động kinh doanh của gia đình trên tiến triển thuận lợi giúp cải thiện điều kiện kinh tế và nộp thuế đúng quy định cho nhà nước. Để mở rộng hình thức kinh doanh hàng lưu niệm, gia đình anh X đã liên kết với các gia đình khác trong thôn thành lập Hợp tác xã Hồn Việt với mục đích tương trợ, giúp đỡ nhau trong việc sản xuất, kinh doanh hàng lưu niệm. Nhờ có sự hỗ trợ lẫn nhau mà các hộ gia đình đã làm ăn ngày một phát đạt, thu hút nhiều khách du lịch và thu được nhiều lợi nhuận và mô hình ngày càng phát triển.

- a. Mô hình kinh doanh của gia đình anh X là loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.  
b. Hợp tác xã Hồn Việt là mô hình kinh tế tập thể, sở hữu tập thể, các thành viên có vai trò bình đẳng.  
c. Hoạt động kinh doanh này góp phần tạo ra dịch vụ du lịch đã đáp ứng theo yêu cầu của người tiêu dùng.  
d. Mô hình Hợp tác xã là mô hình kinh tế vừa thể hiện tính kinh tế, vừa thể hiện tính xã hội.

**Câu 2.** Với mong muốn tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế cho gia đình và cộng đồng, anh K đã cùng với 8 hộ gia đình trong xã liên kết với nhau để thành lập HTX lấy tên là Tân Quang. Trên cơ sở đồng lòng, tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý – hợp tác xã Tân Quang đã hỗ trợ các hộ gia đình tiếp cận với KHKT hiện đại, áp dụng những phương pháp mới hiệu quả vào công việc sản xuất kinh doanh. Vì thế, chất lượng sản phẩm của các hộ gia đình đã được cải tiến rất nhiều, đa dạng về chủng loại và phong phú về mẫu mã nên công việc kinh doanh vô cùng thuận lợi. Đời sống của cộng đồng người dân trong xã cũng ngày một được nâng cao hơn.

- a. Hợp tác xã Tân Quang là mô hình kinh tế tập thể, sở hữu tập thể, các thành viên có vai trò, vị trí khác nhau.  
b. Mọi thành viên trong hợp tác xã đều phải đóng góp vốn bằng nhau để tham gia hợp tác.  
c. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của anh K trong mô hình kinh tế Hợp tác xã khác với 8 hộ gia đình còn lại.  
d. Mô hình Hợp tác xã Tân Quang là mô hình kinh tế vừa thể hiện tính kinh tế, vừa thể hiện tính xã hội.

**Câu 3.** Một doanh nghiệp X đến hạn phải thanh toán khoản nợ với số tiền 1,5 tỷ đồng cho đối tác kinh doanh. Giám đốc doanh nghiệp đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đảm bảo cho khoản vay ngân hàng để trả số nợ trên. Tuy đã được ngân hàng giải ngân nhưng vẫn còn thiếu 200 triệu đồng, giám đốc doanh nghiệp quyết định dùng tiền tiết kiệm cá nhân để thanh toán số tiền còn lại cho đối tác.

- a. Doanh nghiệp trong thông tin thuộc mô hình kinh tế hộ gia đình.  
b. Doanh nghiệp đã giải quyết tốt vấn đề thu nhập cho chủ thể sản xuất.  
c. Doanh nghiệp X phải chịu trách nhiệm cho các hoạt động kinh doanh bằng tài sản riêng của mình trước pháp luật.  
d. Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp.

**Câu 4.** Chị gái của Kiên mở cửa hàng quần áo thời trang trên phố. Chi phí thuê địa điểm, nhân viên ngày càng tăng nên lời lãi không được bao nhiêu. Mặt khác, xu hướng mua sắm trực tuyến ảnh hưởng lớn việc tiêu thụ của cửa hàng. Thấy công việc kinh doanh của chị gái ế ẩm, Kiên khuyên chị nên chuyển sang hình thức kinh doanh online, mở gian hàng trên các chợ thương mại điện tử, đăng hình ảnh quảng cáo chất lượng sản phẩm cao hơn thực tế để thu hút khách hàng

- a. Kinh doanh trực tuyến không cần đầu tư nhà xưởng và trí tuệ.
- b. Xu hướng mua sắm trực tuyến đang ngày càng phổ biến và ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ của cửa hàng truyền thống.
- c. Kiên đã khuyên chị gái nên chuyển sang hình thức kinh doanh online và mở gian hàng trên các chợ thương mại điện tử để tăng khả năng tiếp cận khách hàng.
- d. Đăng hình ảnh quảng cáo chất lượng sản phẩm cao hơn thực tế để thu hút khách hàng là một cách kinh doanh không đạo đức và có thể gây mất lòng tin của khách hàng.

**Câu 5.** Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế, Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp. Năm 2020, tổng giá trị gói hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân khoảng 129.000 tỷ đồng; trong đó, số tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được gia hạn khoảng 97.500 tỷ đồng; số được miễn, giảm khoảng 31.500 tỷ đồng. Để đảm bảo nguồn vốn đầu tư các dự án hạ tầng trọng điểm, Chính phủ đã phát hành công phiếu, trái phiếu để huy động vốn, đảm bảo đủ nguồn lực cho các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như đầu tư xây dựng hệ thống đường cao tốc, xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Năm 2022, với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự nỗ lực từ doanh nghiệp, nền kinh tế đã phục hồi tốt, tổng mức thu ngân sách từ ngành thuế năm 2022 đạt khoảng 1.460.100 tỷ đồng.

- a. Chính phủ phát hành trái phiếu huy động vốn phục vụ mục đích đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng là hình thức tín dụng ngân hàng.
- b. Vai trò của tín dụng được thể hiện qua thông tin: Chính phủ đã có nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp.
- c. Trong hoạt động phát hành công phiếu, trái phiếu chính phủ năm 2020, Nhà nước giữ vai trò là chủ thể cho vay tiền.
- d. Tín dụng là công cụ thực hiện điều tiết kinh tế - xã hội quan trọng của Nhà nước.

**Câu 6. Đọc đoạn thông tin sau:**

Một doanh nghiệp X đến hạn phải thanh toán khoản nợ với số tiền 1,5 tỷ đồng cho đối tác kinh doanh sau khi nhận hàng hóa do đối tác cung cấp như đã ký kết hợp đồng. Giám đốc doanh nghiệp đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất đảm bảo cho khoản vay ngân hàng để trả số nợ trên. Tuy đã được ngân hàng giải ngân nhưng vẫn còn thiếu 200 triệu đồng, giám đốc doanh nghiệp quyết định dùng tiền tiết kiệm cá nhân để thanh toán số tiền còn lại cho đối tác và doanh nghiệp tiếp tục ký kết hợp đồng mới.

- a. Doanh nghiệp trong thông tin đến hạn chỉ thanh toán khoản tiền lãi.
- b. Thông tin trên cho thấy, tín dụng đã có vai trò tăng lượng vốn đầu tư.
- c. Quan hệ tín dụng giữa doanh nghiệp và đối tác là tín dụng ngân hàng.
- d. Hình thức tín dụng ngân hàng mà doanh nghiệp tham gia là cho vay thế chấp.

**Câu 7.** K là học sinh giỏi con nhà nghèo, sau khi Tốt nghiệp THPT vì hoàn cảnh khó khăn nên mẹ K muốn con ở nhà đi làm công nhân. Mặc dù vậy K rất muốn học Đại học để sau này có cơ hội phát triển bản thân. Biết được hoàn cảnh của gia đình K, cán bộ hội phụ nữ đã tư vấn cho mẹ K nên cho K tiếp tục đi học bằng nguồn tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội vì được hưởng lãi suất thấp, thời gian hoàn trả dài thông qua Hội phụ nữ xã nơi gia đình sinh sống.

- a. Hoạt động tín dụng của Ngân hàng Chính sách được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận cho đối tượng được quy định cụ thể như trong thông tin.
- b. Việc tư vấn Ngân hàng chính sách xã hội thông qua hội phụ nữ cho vay vốn thể hiện hiện phương thức cho vay ủy thác.
- c. Trong thông tin, mối quan hệ tín dụng giữa gia đình học sinh K và Ngân hàng chính sách là tín dụng Nhà nước.
- d. Học sinh K sau khi vay cần sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

**Câu 8.** Để đạt mục tiêu đề ra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm điều hành tín dụng năm 2024: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất-kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; rà soát, đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn, tài sản bảo đảm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; mở rộng tín dụng phục vụ sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống, tiêu dùng, góp phần hạn chế “tín dụng đen”... (<https://gtimes.com.vn/tai-chinh2/day-manh-tin-dung-ngan-hang-nam-2024.html>)

- a. Tín dụng đen là mặt trái của tín dụng nên cần hạn chế hoặc xóa bỏ.
- b. Đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ vay vốn sẽ giúp người dân có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay hơn.
- c. Thực hiện tín dụng an toàn, hiệu quả là phương hướng góp phần phát triển kinh tế xã hội
- d. Việc xây dựng môi trường Tín dụng không nên có sự chỉ đạo của nhà nước mà chỉ cần các ngân hàng tự thống nhất với nhau.

**C. DẠNG TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, nhu cầu tiêu dùng khẩu trang và dung dịch nước sát khuẩn của xã hội tăng nhanh trong khi nguồn cung cấp không tăng theo kịp, dẫn đến hiện tượng khan hiếm hàng hoá và tăng giá sản phẩm. Nhiều chủ thể sản xuất ngành dệt may và sản xuất các sản phẩm tiêu dùng đã chuyển một phần nguồn lực của mình sang đầu tư sản xuất khẩu trang và nước sát khuẩn, phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu đồng thời gia tăng lợi nhuận và phát huy tối đa nguồn lực sản xuất của bản thân.

- a) Nếu xét theo đối tượng giao dịch và phạm vi giao dịch, thông tin trong trường hợp trên đề cập đến những loại thị trường nào?
- b) Qua thông tin đó, em nhận thấy thị trường đã thể hiện chức năng gì đối người sản xuất kinh doanh?

**Câu 2:** Em hãy đọc thông tin trong trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi:

Bố mẹ bạn A muốn mua một chiếc máy tính xách tay cho bạn A để thuận tiện cho việc học tập. Khi tìm hiểu tại cửa hàng điện máy B, nhân viên bán hàng giới thiệu chiếc máy tính xách tay của hãng C có giá là 10 triệu đồng (đã bao gồm thuế) và tư vấn có 2 phương thức thanh toán: Một là trả đủ một lần bằng tiền mặt thì số tiền phải trả là 10 triệu đồng; hai là mua trả góp (trả trước 4

triệu đồng, phân tiền còn lại sẽ trả góp hàng tháng trong 15 tháng, đã bao gồm lãi suất) thì tổng số tiền phải trả là 13 triệu đồng (tức là phải trả thêm 3 triệu đồng).

- a) Căn cứ vào khả năng chi trả của bố mẹ bạn A, em hãy tư vấn để bố mẹ bạn A có thể lựa chọn phương án sử dụng tiền mặt hoặc phương án sử dụng dịch vụ tín dụng để mua máy tính xách tay cho bạn A.
- b) Theo em, giữa việc sử dụng tiền mặt và sử dụng dịch vụ tín dụng có sự chênh lệch về chi phí như thế nào?

-----HẾT-----